

VĂN HÓA ĐA BÚT Ở NGƯỜI CHA NGƯỜI ĐA BÚT TRÊN CBIỂN ẶNG MÔI TRƯỜNG BIỂN TIẾN

NGUYỄN XUÂN NGỌC

1. Đặt vấn đề

Văn hóa Đa Bút là nền văn hóa khảo cổ của cộng đồng tộc người thuộc trung kỳ thời đại đá mới Việt Nam, đã tồn tại 3.000 năm (cách ngày nay từ 7.000 đến 4.000 năm), phân bố ở đồng bằng ven biển Ninh Bình - Thanh Hóa. Đa Bút là di chỉ khảo cổ đầu tiên được phát hiện và khai quật từ năm 1926. Quá trình phát hiện và nghiên cứu văn hóa Đa Bút được chia thành 3 giai đoạn: Giai đoạn I (1926 - 1954) là giai đoạn phát hiện, khai quật địa điểm Đa Bút của các học giả người Pháp; tiêu biểu là nhà địa chất học E. Patte. Giai đoạn II (1954 - 1990) mở đầu cho thời kỳ nghiên cứu của các nhà khảo cổ học Việt Nam bằng việc phục tra lại địa điểm Đa Bút, phát hiện và khai quật hai địa điểm mới là Gò Trũng và Cồn Cổ Ngựa; đồng thời xác lập sự tồn tại của văn hóa Đa Bút và xác định mô hình phát triển *đơn tuyến* của văn hóa này ở châu thổ sông Mã. Giai đoạn III (1990 đến nay) là giai đoạn phát hiện, thám sát và khai quật một loạt địa điểm văn hóa Đa Bút mới không chỉ ở châu thổ Thanh Hóa mà cả ở châu thổ Ninh Bình; xác lập mô hình phát triển *đa tuyến* của văn hóa này và bắt đầu đi sâu làm rõ một số nội dung, các đặc trưng văn hóa vật thể và ít nhiều đã đề cập đến những giá trị văn hóa phi vật thể trong đời sống kinh tế và tinh thần của cư dân Đa Bút cũng như vị trí của văn hóa Đa Bút trong bức tranh văn hóa Tiền sử Việt Nam, trước hết là vùng giáp ranh giữa châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Hơn 80 năm phát hiện, khai quật và nghiên cứu, một số vấn đề cơ bản của văn hóa Đa Bút đã được giải quyết, nhiều công trình về văn hóa này đã được công bố. Tuy nhiên, cũng còn không ít vấn đề đã và đang đặt ra đòi hỏi góc độ khảo cổ học và nhất là văn hóa học cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, mà bài viết này muốn đề cập đến *văn hóa ứng xử của cư dân văn hóa Đa Bút trước biến đổi của môi trường biển tiến - biển thoái* thời tiền sử Việt Nam.

2. Chiếm lĩnh và khai phá đồng bằng biển tiến - biển thoái

Vùng đồng bằng châu thổ Ninh Bình - Thanh Hóa là một châu thổ rất trẻ, được hình thành từ thế Cánh tân (Pleistocene), gắn liền với sự bồi lấp chủ yếu của sông và vai trò của biển tiến Toàn tân (Holocene). Trước 7.000 năm, nơi đây chưa phát hiện được dấu tích văn hóa nào. Cư dân văn hóa Đa Bút là những người tiên phong khai phá đồng bằng này. Di chỉ Đa Bút tại độ sâu 1,2m có tuổi là 6.430 ± 60 năm cách nay. Do tầng văn hóa di chỉ này dày 5m, nên niên đại sớm nhất của nó có thể lên tới 7.000 năm cách ngày nay.

Vào thời gian đó, cư dân cổ văn hóa Đa Bút đã định cư ở gò đất cao vùng đồng bằng huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa), khai phá đồng bằng, ven sông, đầm lầy. Đây là *môi trường đồng bằng trước núi* mà yếu tố sông và lũ sông là chủ yếu.

Theo dòng chảy của sông Mã, tổ tiên của ng-ời Đa Bút phát triển từ núi xuống đồng bằng. Các nhà khảo cổ đã chứng minh, tổ tiên trực tiếp của ng-ời Đa Bút là c- dân văn hóa Hòa Bình, c- trú trong các hang động V- òn Quốc gia Cúc Ph- ong, kề liền với Vĩnh Lộc. Việc chuyển từ thung lũng Các - xơ ra đồng bằng ven biển, từ hang động ra c- trú ngoài trời là một *b- ớc ngoặt vĩ đại về văn hóa* của ng-ời tiền sử Việt Nam (Nguyễn Khắc Sửu, 1983). Cái b- ớc ngoặt ấy đ- ợc thể hiện một cách toàn diện cả về sự đổi mới về kiến trúc nơi ở mới, ph- ong thức săn bắt, hái l- ợm và canh tác mới, sáng tạo mới các công cụ lao động; về văn hóa giao tiếp giữa các thành viên với nhau, giữa ng-ời sống và ng-ời chết. Các nhà khảo cổ còn nhận ra, cái sáng tạo sớm nhất, vĩ đại nhất của ng-ời Đa Bút là làm ra đồ gốm (Bùi Vinh, Nguyễn Xuân Ngọc, 2004). Trong tiến trình phát triển văn hóa, c- dân Đa Bút là ng-ời đầu tiên thiết lập đ- ợc một trung tâm làm gốm văn thừng sớm nhất Việt Nam và Đông Nam Á, xác lập đ- ợc th- ong hiệu “gốm văn thừng đập Đa Bút”, mà các thế hệ tr- ớc đó cũng nh- đ- ong thời ch- a bao giờ làm đ- ợc.

Đồng bằng ven biển Ninh Bình - Thanh Hóa do nghiêng dốc từ tây sang đông, lại bị phân cắt mạnh bởi nhiều sông suối, nên trầm tích sông lũ nơi đây chiếm - u thế. Ngoài yếu tố sông và lũ sông ra, còn có cả trầm tích biển và sông biển, đầm lầy. Những trầm tích hỗn hợp này phân bố rộng khắp từ Thọ Xuân đến đồng bằng Hậu Lộc và Sầm Sơn (Thanh Hóa); từ Nho Quan qua Gia Viễn, Gia Khánh tới Yên Mô và Kim Sơn (Ninh Bình). Đây chính là địa bàn hoạt động săn bắt, hái l- ợm và trồng trọt chủ yếu của c- dân văn hóa Đa Bút. Nh- vậy, về cơ bản, không gian văn hóa của ng-ời Đa Bút giai đoạn đầu tiên

là không gian đồng bằng tr- ớc biển tiến Holocene trung (Trần Đình Nghi, 1995).

Đứng tr- ớc môi tr- ờng mới, c- dân văn hóa Đa Bút không ngừng tìm tòi, phát triển. Sự xuất hiện hai di tích Cồn Cổ Ngựa và Bản Thủy - một mắt xích trong văn hoá tiếp sau Đa Bút là một thí dụ. Với các di tích này, một *môi tr- ờng đồng bằng - ven biển đ- ợc thiết lập*.

Tại địa điểm Cồn Cổ Ngựa và Bản Thủy, có tuổi gần 6.000 năm cách ngày nay, n- ớc biển đã tràn vào vùng đồng bằng thấp Ninh Bình - Thanh Hóa, mà các dạng tảo n- ớc mặn (*Caloneis formosa*) chiếm - u thế so với loại tảo n- ớc lợ và n- ớc ngọt là một chứng tích.

Mực n- ớc biển dâng cao, dẫn đến quá trình đầm lầy hóa ở một số vùng cửa sông. Địa tầng của các di chỉ Cồn Cổ Ngựa và Bản Thủy xuất hiện trầm tích hỗn hợp sông biển và đầm lầy, xác nhận điều kiện môi tr- ờng đã thay đổi. Nếu nh- c- dân di chỉ Đa Bút tr- ớc đây sống với môi tr- ờng trầm tích sông lũ, thì ở giai đoạn Cồn Cổ Ngựa và Bản Thủy đã tiếp cận môi tr- ờng sinh thái mới - môi tr- ờng trầm tích cửa sông và đầm lầy ven biển.

Ng-ời cổ ở Bản Thủy và Cồn Cổ Ngựa c- trú ở đây khá lâu, tạo nên hai lớp văn hóa trong khoảng thời gian từ 6.000 đến 5.000 năm cách ngày nay. Tài liệu địa tầng và văn hóa hai di chỉ này cho thấy: Thời kỳ đầu (lớp d- ới) n- ớc biển đã tới gần vùng định c- của họ, bộ mặt văn hóa ch- a có sự biến đổi nhiều. Tại lớp d- ới xuất hiện vỏ nhuyễn thể biển nh- điệp (*Placuma Placenta*), sò (*Areca*), ngao (*Meretrix meretrie*) và gặp phấn hoa của những thực vật - a mặn thuộc họ rau muối (*Chenopodiaceae*) nh- *Atriplex*, *Suaeda*... Đây là thời kỳ biển tiến. Con ng-ời

đã khai thác nhuyễn thể biển, đem về ăn và để lại trong di chỉ này.

B-ớc sang thời kỳ sau (lớp trên), khi biển đạt cực đại, cũng là lúc c- dân Côn Cổ Ngựa đã tạo nên một b-ớc ngoặt trong hoạt động kinh tế - xã hội. Đó là sự xuất hiện của nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi trâu bò, lợn, đánh cá và kéo sợi đan l-ới. Sự tăng tr-ởng về số l-ợng đồ gốm, sự hoàn thiện kỹ thuật mài nhẵn rìu đá, sự tăng tiến về chì l-ới đánh cá và dọi xe chỉ là t- liệu minh chứng cho các hoạt động nói trên. Cùng với nó là sự hình thành khu mộ táng lớn với trên 100 di cốt trong diện tích khai quật 200m².

N-ớc biển tiếp tục dâng đến cực đại ở độ cao trung bình 3,5 - 4,0m, làm cho vùng châu thổ bị chìm ngập, kể cả khu định c- của ng-ời Côn Cổ Ngựa và Bản Thủy. Do ngập lụt, những c- dân này phải dời đi nơi khác, để lại trong trầm tích lớp mặt một tầng sét xám xanh, vàng, hơi loang lổ. Phân tích bào tử phấn hoa ở lớp phủ ấy, ng-ời ta tìm thấy các dạng: Schireaceae, Cyatheaceae, Tasodiaceae, Taxaceae, Polypodiaceae, Eypa, Quercus và một số dạng tảo Diatome thuộc giống Melobiva, có nguồn gốc đầm lầy, sông, vũng vịnh.

Quan sát dấu vết trầm tích biển phủ lên di chỉ, có thể thấy tốc độ đợt biển tiến này diễn ra nhanh và mạnh, làm bóc mòn một phần lớp phủ và vì vậy để lộ ra nhiều huyết mộ d-ới tầng sét xám xanh của di chỉ. Không loại trừ khả năng, đợt biển tiến này đã ảnh h-ởng đến cái chết hàng loạt c- dân ở Côn Cổ Ngựa và là nguyên nhân buộc những ng-ời còn lại phải dời lên chỗ cao hơn (Nguyễn Việt, 2003). Di chỉ Làng Còng ở chân núi Vĩnh Lộc (Thanh Hóa) và Hang Sáo, Đồng V- ở vùng núi Tam Điệp (Ninh Bình) là những minh chứng của sự kiện này.

Di tích Làng Còng nằm ở s- ởn núi cao hơn mặt biển 10m, cách xa biển gần 60km và có niên đại khoảng 5.000 năm cách ngày nay. Điểm đáng nói là, sau chạy lụt, c- dân Làng Còng đã quay trở lại sử dụng bộ công cụ cuội ghè đẽo thô sơ, bên cạnh rìu đá mài lan thân và mài toàn thân. D- ởng nh- môi tr- ởng thung lũng núi đã khiến cho c- dân nơi đây quay trở lại với truyền thống cũ - truyền thống Hòa Bình về lối sống và kỹ thuật chế tác đá công cụ cuội. Thật ra, đây không phải là ngoại lệ, mà các di tích thuộc văn hóa Đa Bút muộn nh- Hang Sáo, Hang Cò, Hang Mo, Hang □c và di chỉ Đồng V- ởn ở vùng núi Tam Điệp (Ninh Bình) đều là những tr- ởng hợp giống nh- Làng Còng. Đó là văn hoá ứng xử mang đậm truyền thống của ng-ời tiền sử Việt Nam.

Sau biển tiến là biển lùi; một đồng bằng ven biển mới đ- ợc hình thành; đ- ởng bờ biển mới đ- ợc xác lập. Ngoài một bộ phận c- trú trong hang động miền núi Tam Điệp, một bộ phận khác tiên phong c- trú, khai thác biển, mà di chỉ Gò Trũng, gần cửa Lạch Tr- ởng, cách bờ biển hiện nay 3km, là một minh chứng. Di chỉ Gò Trũng có niên đại khoảng 4.500 năm cách ngày nay. Tại đây, họ để lại vết tích c- trú và văn hoá mới, thể hiện đậm nét màu sắc biển, với rất nhiều chì l-ới đánh cá bằng đá, bằng đất nung, cùng x- ơng các loài cá biển vốn ít thấy trong thời đại đá mới ở Việt Nam.

Rõ ràng, tr- ớc biển động của môi tr- ởng biển, văn hoá ứng xử của ng-ời Đa Bút bắt đầu có sự phân hóa, rõ nhất là vào khoảng 5.000 - 4.000 năm cách ngày nay. Vào thời điểm này, một số quay trở về với truyền thống Hoà Bình nh- tr- ởng hợp Làng Còng và Hang Sáo; ở đó họ làm công cụ cuội, bắt ốc n- ớc ngọt. Một số khác tiến ra

bờ biển, hòa nhập với biển nh- tr- ờng hợp Gò Trũng và Đồng V- òn, ở đó họ đánh cá biển. Một bộ phận khác nữa c- trú trong hang động đá vôi ven biển nh- tr- ờng hợp Hang Sáo, Hang Cò, Hang Mo và Hang ốc tiến hành săn bắt, hái l- ơm trên cạn, vừa khai thác biển, mà chủ yếu là các loài ốc biển. Đây cũng là giai đoạn cuối của công cuộc chinh phục đồng bằng ven biển của c- dân văn hóa Đa Bút, một hệ quả tất yếu của sự biến động môi tr- ờng và khả năng thích ứng, sáng tạo của c- dân cổ trong lịch sử (Hà Văn Tấn (chủ biên), (1990).

Sau 4.000 năm, khi diện mạo đồng bằng ven biển Ninh Bình - Thanh Hóa b- ớc vào giai đoạn ổn định, thì cũng là lúc ở đây xuất hiện hai cụm di tích hoàn toàn khác Đa Bút, cao hơn Đa Bút, nh- ng bảo l- u một vài yếu tố truyền thống Đa Bút. Đó là tr- ờng hợp văn hóa Hoa Lộc (Hậu Lộc, Thanh Hóa) liền kề với di chỉ Gò Trũng và tr- ờng hợp văn hóa di chỉ Mán Bạc (Yên Mô, Ninh Bình) tiếp liền với di chỉ Đồng V- òn. Hoa Lộc và Mán Bạc là các di tích Tiền Đông Sơn. Văn hóa Đa Bút là một trong những nguồn hợp tạo dựng nên các di tích Tiền Đông Sơn ở vùng giáp ranh giữa đồng bằng sông Hồng và sông Mã trong lịch sử.

3. Phân bố lại dân c- , nảy sinh các hoạt động kinh tế chuyên biệt

3.1. Trong lịch sử hình thành và phát triển, ng- ời Đa Bút liên tiếp có sự *phân bố lại dân c-*. Ng- ời ta nhận ra rằng khi n- ớc biển dâng lên, không gian sống của con ng- ời bị thu hẹp lại; mật độ dân số tăng; do vậy, con ng- ời buộc phải dôn lên những chỗ cao để tụ c- và các cộng đồng dân c- bắt đầu bị chia cắt, xé lẻ. Ng- ợc lại, khi n- ớc biển hạ xuống, không gian sống của con ng- ời mở rộng ra; con ng- ời bắt đầu

chiếm c- các vùng đất mới; nhờ vậy, mật độ dân số giảm đi. Chính sự dao động của mực n- ớc biển lúc lên, lúc xuống, lúc dừng ở mức cực đại đều làm thay đổi thế giới động vật và thực vật xung quanh con ng- ời. Điều đó tác động trực tiếp đến văn hóa ứng xử của con ng- ời.

Sự phân bố lại dân c- dẫn đến sự *biến động trong kết cấu cộng đồng ng- ời*. D- ới góc độ văn hóa, mỗi điểm tụ c-, t- ơng đ- ơng với một di chỉ khảo cổ, hay một “làng”. Trong giai đoạn đầu tiên là địa điểm c- trú đơn lẻ - di chỉ Đa Bút. Nơi ở là gò đất cao giữa đồng chiêm trũng, có diện tích lớn nhất, trên 1.500m² và cũng là nơi c- trú lâu dài nhất, khoảng 1.000 năm (từ 7.000 - 6.000 BP) với tầng văn hóa dày 5m hoặc hơn. Có thể xem đây là “làng” gốc - nơi c- trú “nguyên thủy” khởi đầu của văn hóa Đa Bút. Do c- trú dài nên tính cộng đồng văn hóa trở nên ổn định và chặt chẽ.

Sang giai đoạn sau (6.000 - 5.500 BP), xuất hiện hai nơi c- trú: Bản Thủy và Cồn Cổ Ngựa, tiếp tục c- trú trên các gò đất cao của vùng châu thổ và theo h- ớng gần biển hơn. Quy mô hai nơi ở (trung bình 800m²) nhỏ hơn nơi c- trú “gốc” ban đầu, tầng văn hóa mỏng hơn và thời gian c- trú cũng ngắn hơn, khoảng 500 năm. Đây là điểm c- trú triển khai, phát triển từ một “làng” gốc trên cùng môi tr- ờng sinh thái.

Cùng tách ra từ một nơi c- trú gốc, các yếu tố văn hóa của hai nơi mới giống nhau, có sự giao l- u trao đổi và giống nhau trong văn hóa ứng xử với môi tr- ờng, mặc dù hai di chỉ này cách nhau gần 10km. Sự phân tách nơi ở hay phân chia văn hóa ở giai đoạn này ch- a đi liền với sự khác biệt địa ph- ơng trong văn hóa.

Vào giai đoạn cuối (5.500 - 4.000 năm BP) xuất hiện 7 nơi ở mới, trong đó hai nơi

c- trú trên các đồi gò cao (di chỉ Làng Còng và di chỉ Đồng V-òn), bốn điểm c- trú trong hang động (di chỉ Hang Sáo, Hang Mo, Hang Cò và Hang □c) và một “làng” ở trên đê biển cổ (di chỉ Gò Trũng). Quy mô các nơi c- trú này là rất nhỏ, nhất là các di tích hang động, tầng văn hóa rất mỏng, thời gian c- trú không lâu. Đây là giai đoạn phân bố lại dân c- trong và sau đợt biển tiến Holocene trung với các điều kiện sinh thái mới: ven rìa đồi giáp với địa bàn của ng-ời văn hóa Hòa Bình (di chỉ Làng Còng), trên đồi đất ven biển (di chỉ Đồng V-òn), trên doi cát sát bờ biển (di chỉ Gò Trũng), trong các thung lũng và hang động đá vôi cận biển (di chỉ Hang Sáo, Hang Mo, Hang Cò và Hang □c).

Đồng thời với quá trình phát triển số l-ợng làng là sự thu hẹp về quy mô làng, sự khác biệt về lãnh thổ, về địa hình sinh thái nơi tụ c- và bắt đầu có sự khác biệt về văn hóa ứng xử. Nếu nh- ng-ời Làng Còng và Hang Sáo quay trở lại với văn hóa truyền thống Hòa Bình, thì ng-ời Hang Cò, Hang Mo, Hang □c dù ở hang nh-ng kinh tế h-ớng biển. Cùng ở ngoài trời, nh-ng ng-ời Gò Trũng là làng chài với hoạt động ng-nghiệp là chính, còn làng Đồng V-òn lại không khai thác biển mà dựng nhà, làm nông. Có lẽ, tính đa dạng trong thống nhất văn hóa của ng-ời Đa Bút đ-ợc nảy sinh rõ nhất từ giai đoạn này.

Sống trong các điểm c- trú, mỗi “làng” có nhiều bếp; quy mô bếp ngày một nhỏ đi, phản ánh cấu trúc của nhiều gia đình nhỏ cùng c- trú trong một “làng”. Ng-ời Đa Bút chôn ng-ời chết tại nơi c- trú, với mật độ cao; chủ yếu là chôn kiểu “ngồi xồm bó gối” với nhiều hình thức: đơn táng, song táng, tam táng hoặc chôn tập thể nhiều ng-ời; các mộ đều có đồ tùy táng, thể hiện ý thức cao giữa cõi sống và chết, giữa cá nhân với cá

nhân trong cùng cộng đồng c- trú (Hà Văn Tấn (chủ biên), 1990). Trong tiến trình phát triển, ng-ời Đa Bút từ chỗ chôn ng-ời cùng chỗ ở đến việc chôn khu riêng và tiến tới để mộ ngoài nơi c- trú.

3.2. Thoát ra khỏi thung lũng đá vôi, chiếm c- châu thổ ch-a hình thành hoàn chỉnh, c- dân Đa Bút ở giai đoạn đầu lấy săn bắt và hái l-ợm làm hoạt động kinh tế chủ đạo. Điểm khác với c- dân Hòa Bình tr-ớc đó chính là đối t-ợng hái l-ợm mà thiên nhiên ban tặng. Ng-ời Đa Bút khai thác các loài nhuyễn thể n-ớc ngọt ở sông và đầm lầy; trong đó loại hai mảnh vỏ là chính mà chúng ta quen gọi là cò hến. Trong giai đoạn này, n-ớc biển dâng dần làm chìm ngập cửa sông và vùng trũng thấp. Ng-ời Đa Bút cũng đã bắt đầu khai thác nhuyễn thể biển ở vùng cửa sông, trong đó có cả ốc và trai. Trong điều kiện ban đầu làm quen với châu thổ, ng-ời Đa Bút mới chỉ thuần d-ỡng chó. Ch-a thấy phổ biến hoa nào cho biết về cây trồng giai đoạn này.

Sang giai đoạn Bản Thủy và Cồn Cỏ Ngựa, ng-ời Đa Bút v-on ra xa hơn so với địa bàn gốc, c- trú trên các gò đất cao giữa đồng chiêm trũng, tiếp tục khai phá châu thổ sông Mã. Trong điều kiện châu thổ rộng, n-ớc biển dâng gần tới chân các đồi gò nơi c- trú, ng-ời Đa Bút buộc phải đẩy nhanh việc cải tiến kỹ thuật chế tác rìu đá, từ mài l-ỡi chuyển hẳn sang mài lan thân và xuất hiện rìu mài toàn thân. Ng-ời Đa Bút lúc này đã chế tạo và sử dụng một khối l-ợng lớn đồ gốm. Cũng nh- ng-ời giai đoạn Đa Bút sớm, ng-ời Cồn Cỏ Ngựa và Bản Thủy triển khai khai thác các loài nhuyễn thể n-ớc ngọt, n-ớc lợ và cả nhuyễn thể biển. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy khá nhiều x-ong cá, vỏ cua, mai rùa. Ng-ời thời này chuyển h-ớng khai thác biển gần bờ làm trọng tâm.

Ngoài việc săn bắt động vật hoang dã, ng-ời thời này đã biết đến chăn nuôi trâu và bò, có thể biết đến nuôi lợn. Các phổ phân hoa thời này cho biết thảm thực vật vùng định c- của ng-ời Bản Thủy và Cồn Cỏ Ngựa có sự chuyển tiếp từ vùng đầm lầy cửa sông sang vùng ngập mặn. Ngoài các loài cây - a mặn, ở đây đã xuất hiện một số loài thảo mộc; có khả năng chúng đ-ợc trồng, chủ yếu là những giống cây thuộc họ bầu bí.

Vào giai đoạn cuối, biển dâng cao, c- dân Đa Bút di c- vào các vùng đất cao hơn, vết tích của họ là di chỉ Làng Còng và Hang Sáo. Đây là một dẫn chứng rõ nét về tính đứt đoạn kỹ thuật sau Bản Thủy và Cồn Cỏ Ngựa. Do mực n-ớc biển dâng cao, làm ngập chìm phần lớn châu thổ, khiến ng-ời Đa Bút thời này không tiếp tục triển khai mạch nối văn hóa nông nghiệp ở vùng châu thổ của mình, làm cho sự cách tân văn hóa bị lỡ nhịp. Trong tổ hợp công cụ của ng-ời Hang Sáo và Làng Còng có sự hòa trộn giữa những công cụ cuội ghè đẽo truyền thống với một số ít công cụ vừa mới cách tân nh- riu mài l-õi, mài lan thân và riu mài toàn thân. Sự lỡ nhịp trong khai phá châu thổ, đã buộc c- dân Đa Bút rút về nơi xuất phát, nh- ng không phải vì thế mà tụt hậu. Và chính tại đây, trong điều kiện mới của miền đồng bằng cận núi, cận biển, nhiều sông rạch, đầm, hồ, c- dân Đa Bút lúc này đã triển khai các hoạt động kinh tế hết sức đa dạng, vừa khai thác các sản phẩm thiên nhiên, vừa tiến hành các hoạt động sản xuất. Về chăn nuôi, các nhà cổ động vật học cho biết ng-ời Làng Còng đã thuần d-ỡng trâu, bò và cả lợn nữa. Về trồng trọt, họ đã thuần hóa nhiều loại cây cho củ, quả và có khả năng biết trồng lúa. Cùng với kinh tế sản xuất, các hoạt động săn bắt động vật trên cạn, đánh cá bằng l-ới trên sông hoặc vùng cửa sông ven biển đã đ-ợc triển khai.

Khi biển bắt đầu rút, c- dân tái chiếm châu thổ, v-on tận tới bờ biển. Có những nhóm ng-ời c- trú trên s-òn đồi nh- Đồng V-òn, có nhóm ng-ời c- trú trên đê cát biển nh- Gò Trũng, hoặc có nhóm biến các hang động cận biển thành ngôi nhà lý t-ởng nh- tr-ờng hợp các di tích: Hang Mo, Hang Cò và Hang □c. Trong tầng văn hóa các di chỉ này, ng-ời ta đã tìm thấy chủ yếu là phế tích vỏ ốc biển, vỏ ngao biển, cùng x-ơng cá, càng cua biển, bên cạnh một số ít x-ơng răng động vật nhỏ. Đặc biệt, tầng văn hóa Đồng V-òn đã tìm thấy vết tích bếp, lỗ cột nhà và rất nhiều mảnh gốm. Bằng nội lực, ng-ời Đa Bút đã tạo nên một bộ mặt văn hóa mới: văn hóa nông nghiệp vùng châu thổ kết hợp với kinh tế biển trong một phạm vi rộng từ châu thổ ven biển hạ l-u sông Mã lan toả ra châu thổ ven biển Yên Mô và miền chân núi Tam Điệp (Ninh Bình).

C- dân văn hóa Đa Bút phân bố rộng, chiếm c- nhiều loại địa hình, thích nghi với nhiều kiểu c- trú, nh- ng nổi bật nhất vẫn là định h-ớng châu thổ ven biển Thanh Hóa - Ninh Bình. Sống trong hệ sinh thái đa dạng: ven sông, đầm lầy, giáp biển hoặc trong các thung lũng đá vôi cận biển, ng-ời Đa Bút ở từng giai đoạn, từng môi tr-ờng cụ thể, ngoài việc khai thác môi tr-ờng tự nhiên, đã bắt đầu biết đến chăn nuôi và trồng trọt, song chịu tác động không nhỏ của châu thổ với sự kiện biển tiến Holocene trung.

C- dân văn hóa Đa Bút và môi tr-ờng châu thổ Thanh Hóa - Ninh Bình tạo thành một thể thống nhất, một hệ thống gồm những mối liên hệ ng-ợc: đó là hệ sinh thái. Trong quá trình phát triển, c- dân văn hóa Đa Bút luôn luôn tác động đến môi tr-ờng, làm thay đổi các mối liên hệ trong hệ sinh thái. Mối liên hệ giữa ng-ời Đa Bút và môi tr-ờng châu thổ th-ờng đ-ợc biểu hiện qua

những đặc điểm văn hóa - kỹ thuật ở từng giai đoạn. Nói một cách khác, dựa trên sự biến đổi của môi trường, chúng ta có thể phân tích sự biến đổi của cách ứng xử công cụ - kỹ thuật của con người, nghĩa là sự biến đổi về văn hóa.

Trong quá trình tồn tại, từ một nơi ở gốc phát triển thành hai “làng” rồi khi đi-ông đầu với biển tiến cực đại Holocene trung, c- dân Đa Bút phải dời lên các vùng cao chân núi lập thêm 7 nơi c- trú mới, bắt đầu có sự phân hóa về văn hóa. Sự thay đổi vị trí c- trú, sự tăng dân của nơi ở, sự nhỏ lại về quy mô “làng” nhỏ, cùng với thời gian đã kéo theo sự khác biệt về lãnh thổ, địa hình sinh thái và bắt đầu có sự khác biệt về văn hóa: C- dân Làng Còng và Hang Sáo quay trở lại với truyền thống văn hóa Hòa Bình, nh- ng ng- ời Hang Cò, Hang Mo, Hang □c lại hoạt động nông nghiệp - h- ớng biển. Cũng ở ngoài trời, nh- ng Gò Trũng là “làng” chài ở trên cồn cát chuyên khai thác biển, còn Đồng V- ền lại dựng nhà, làm nông trên s- ền đồi. Có lẽ, tính đa dạng trong thống nhất văn hóa ở giai đoạn này là tiền đề và là các nguồn hợp để tạo dựng các văn hóa hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng thau ở chính địa bàn sau đó tại châu thổ Thanh Hoá - Ninh Bình sau này (Nguyễn Khắc Sử, 2003).

Văn hóa khảo cổ Đa Bút có vị trí quan trọng trong tiến trình lịch sử phát triển văn hóa thời Tiền sử Việt Nam. Cùng với các văn hóa sau Hòa Bình khác, văn hóa Đa Bút thực sự là một trung tâm chế tác gốm sớm; những ng- ời tiên phong thay đổi, phát triển kỹ thuật chế tác đá lên tới đỉnh cao, tiến hành chiếm lĩnh và khai phá vùng đồng bằng châu thổ, tổ chức thuần hóa, nuôi trồng động vật và thực vật, mở đầu cho cuộc “cách mạng đá mới” ở Việt Nam và Đông Nam □.

Bắt nguồn từ văn hóa Hòa Bình, văn hóa Đa Bút là “cầu nối” phát triển sang các di tích văn hóa Tiền Đông Sơn là văn hóa Hoa Lộc (Thanh Hóa) và di chỉ Mán Bạc (Ninh Bình) - một nhịp cầu giữa phần đệm của châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Mã, mắt xích quan trọng từ văn hóa Tiền - Đông Sơn sang văn hóa Đông Sơn, tạo dựng sự thống nhất trong đa dạng của lịch sử văn hóa nền văn minh Việt cổ, một cơ tầng Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc sau này.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Nghi (1995), “Các chu kỳ biển tiến và biển thoái với lịch sử hình thành các đồng bằng và cồn cát ven biển miền Trung trong kỷ Đệ tứ”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 15-17.
2. Nguyễn Xuân Ngọc (2005), “Giá trị của văn hóa Đa Bút trong nền cảnh văn hóa đá mới Việt Nam”, *Khảo cổ học*, Số 4, tr. 27-35.
3. Nguyễn Khắc Sử (1983), “Sự phát triển kinh tế và tổ chức xã hội của c- dân cổ Cúc Ph- ơng”, *Khảo cổ học*, Số 1, tr. 8-21.
4. Nguyễn Khắc Sử (2003), “Văn hóa Đa Bút với vấn đề phân vùng kinh tế - xã hội đầu tiên trong thời Tiền sử Việt Nam”, *Khảo cổ học*, Số 3, tr. 88-97.
5. Hà Văn Tấn (chủ biên) (1990), *Lịch sử Thanh Hóa I: Tiền sử và sơ sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Việt (2003), “Văn hóa Đa Bút ứng xử Hoabinhian tr- ớc biển tiến Holocen trung”, *Khảo cổ học*, Số 3, tr. 18-30.
7. Bùi Vinh, Nguyễn Xuân Ngọc (2004), “Đa Bút, Quỳnh Văn, Cái Bèo trong bối cảnh phát triển văn hóa từ Hòa Bình sang Hậu Hòa Bình ở Việt Nam”, *Khảo cổ học*, Số 2, tr. 3-18.